

Bản án số: 13/2024/HS-ST

Ngày: 10 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Châu

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Trường Sơn
2. Bà Lê Thị Xuân Lang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Lê Trọng Nghĩa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 933/2023/TLST-HS ngày 16/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5759/2023/QĐXXST-HS ngày 04/12/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 17033/2023/HSST - QĐ ngày 25/12/2023 đối với bị cáo:

Đỗ Thị Thúy N; giới tính: Nữ; sinh ngày: 04/4/1981; tại Thành phố H; nơi đăng ký thường trú: đường L, phường B, quận A, Thành phố H; chỗ ở: chung cư VGP, đường X, phường L, thành phố T, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nhân viên Công ty TNHH giao nhận K - Chi nhánh Thành phố H; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đỗ Lý N1 và bà Nguyễn Thị N2; có chồng (đã ly hôn) và có 02 con, lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/8/2022; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Thúy N: Luật sư Nguyễn Công Toàn và Luật sư Đặng Quý Chuyên, Công ty luật hợp danh Phạm và Đặng Nguyễn thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Bị hại: Công ty TNHH giao nhận K - Chi nhánh Thành phố H.

Địa chỉ: Cao ốc Đ, đường L, phường M, quận D, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Cho Seung H chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lee Youn P, sinh năm 1983; có mặt.

(theo giấy ủy quyền ngày 20/12/2013)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty T.

Địa chỉ: đường A, phường T, quận B, Thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Chu Hải V, chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Đ - Phó Giám đốc; có mặt.

(theo giấy ủy quyền ngày 20/12/2013)

2. Bà Lê Thị Xuân T1, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Chung cư A, phường P, thành phố T, Thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH giao nhận K - Chi nhánh Thành phố H (viết tắt là Công ty K) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh số 0104184295-002, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 17/10/2012 và thay đổi lần thứ 5 vào ngày 05/02/2018, trụ sở tại Cao ốc Đ, đường L, phường M, quận D, Thành phố H; người đại diện theo pháp luật là ông Cho Seung H - Giám đốc.

Từ ngày 01/01/2013, Đỗ Thị Thúy N là nhân viên hợp đồng có thời hạn tại Công ty K, công việc được giao ban đầu là kế toán, hạch toán các hoạt động thu chi của Công ty K tại Chi nhánh Thành phố H. Từ ngày 01/7/2014, Đỗ Thị Thúy N là nhân viên chăm sóc khách hàng, công việc cụ thể: Phụ trách khách hàng của Công ty, trong đó có Công ty T; cập nhật báo giá, lịch vận chuyển, phí và phụ phí nội địa từ hãng vận chuyển, đại lý; gửi thông báo cho đại lý nước ngoài và khách hàng nếu có bất kỳ thay đổi nào; gửi báo giá và trả lời các yêu cầu cho khách hàng; làm lịch tàu, lịch vận chuyển gửi cho khách hàng; tiếp nhận các yêu cầu về việc cấp phiếu đặt chỗ của khách hàng; tiến hành đặt chỗ với hãng vận chuyển, đại lý; thương lượng và đối chiếu phí vận chuyển giữa các đại lý với nhau; kiểm tra xác nhận của đại lý nước ngoài về phiếu đặt chỗ; gửi phiếu đặt chỗ cho khách hàng; cập nhật thông tin lô hàng và chuyên giao hồ sơ chứng từ cho các bộ phận liên quan; theo dõi lịch tàu chạy thực tế và cập nhật kịp thời cho khách hàng... và làm việc theo sự chỉ đạo của Giám đốc.

Công ty cổ phần T (viết tắt là Công ty T) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303022997 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 23/7/2003 và thay đổi lần 4 ngày 16/7/2014, trụ sở tại đường A, phường T, quận B, Thành phố H; Người đại diện theo pháp luật là ông Chu Hải V - Giám đốc; ngành, nghề kinh doanh chính: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển, cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, kiểm đếm hàng hóa; môi giới vận tải...

Ngày 01/4/2014 và ngày 01/8/2019, Công ty K và Công ty T ký Hợp đồng dịch vụ vận chuyển, với nội dung: Công ty K ủy thác cho Công ty T thực hiện các dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa xuất khẩu. Theo đó, Công ty K giao cho nhân viên Đỗ Thị Thúy N và Công ty T giao cho nhân viên Lê Thị Xuân T1 làm việc với

nhau và thực hiện thanh toán công nợ hàng tháng. Quá trình làm việc, Đỗ Thị Thúy N sử dụng email của Công ty là cs.hcm@konetexpress.com và số điện thoại cá nhân 0963295296 để liên hệ công việc với Lê Thị Xuân T1.

Về quy trình thanh toán, đối chiếu công nợ hàng tháng giữa Công ty K và Công ty T, như sau: Căn cứ Bảng đối chiếu công nợ hàng tháng, kế toán Công ty T sẽ xuất tiền mặt cho Lê Thị Xuân T1 trực tiếp đến thanh toán cho Đỗ Thị Thúy N - đại diện Công ty K và 02 bên ký nhận trên chứng từ (Payment voucher); sau đó, Đỗ Thị Thúy N có trách nhiệm giao lại số tiền này cho bà Bùi Thị Thanh H2 - kế toán Công ty K và 02 bên ký nhận trên chứng từ (Payment voucher), trong đó Đỗ Thị Thúy N giữ bản chính và Bùi Thị Thanh H2 giữ bản photo của chứng từ. Cuối cùng, bà Bùi Thị Thanh H2 giao lại số tiền này cho ông Cho Seung H - Giám đốc và gửi email xác nhận đã chuyển tiền cho ông Cho Seung H.

Từ tháng 7/2019 đến tháng 3/2020, Lê Thị Xuân T1 đã trực tiếp gặp Đỗ Thị Thúy N để thanh toán tiền cước vận chuyển hàng lẻ hàng tháng của Công ty T cho Công ty K, tổng cộng 663.560.949 đồng, tất cả các lần thanh toán bằng tiền mặt (theo yêu cầu của Công ty K), thể hiện qua 10 chứng từ thanh toán.

Theo quy trình, sau khi nhận tiền từ Công ty T, Đỗ Thị Thúy N phải có trách nhiệm nộp lại cho Công ty K nhưng Đỗ Thị Thúy N đã chiếm đoạt 663.560.949 đồng sử dụng cho mục đích cá nhân. Để che giấu hành vi phạm tội và tránh bị Công ty K phát hiện, ngày 17/3/2020 Đỗ Thị Thúy N yêu cầu Lê Thị Xuân T1 gửi email cho Công ty K về việc Công ty T xin trì hoãn thời gian thanh toán vì lý do dịch Covid và thanh toán chậm số tiền cước phí vận chuyển từ tháng 7/2019 đến tháng 02/2020, tổng cộng 569.227.949 đồng (Lê Thị Xuân T1 đã thanh toán từ lần 1 đến lần 8). Đỗ Thị Thúy N điện thoại cho Lê Thị Xuân T1 đề nghị cho Công ty K tạm ứng trước một phần tiền của tháng 3/2020 là 94.333.000 đồng, Lê Thị Xuân T1 đã làm thủ tục tạm ứng, để thanh toán tiền cho Công ty K và giao số tiền này cho Đỗ Thị Thúy N.

Đến cuối tháng 3/2020, Công ty K phát hiện Đỗ Thị Thúy N chưa giao nộp tổng cộng 663.560.949 đồng sau khi đã nhận tiền từ Công ty T, nên đã nhiều lần yêu cầu Đỗ Thị Thúy N nộp lại số tiền trên. Mặc dù Đỗ Thị Thúy N thừa nhận đã lấy số tiền trên để sử dụng cá nhân và cam kết sẽ hoàn trả nhưng đến ngày 07/4/2020, Đỗ Thị Thúy N cắt liên lạc với Công ty và tự ý nghỉ việc. Ngày 18/5/2020, ông Cho Seung H - Giám đốc Công ty K đã đến Công an phường M, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh trình báo về hành vi chiếm đoạt tài sản của Đỗ Thị Thúy N.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Đỗ Thị Thúy N khai nhận hành vi phạm tội như trên. Việc thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của Công ty K do Đỗ Thị Thúy N tự thực hiện, không có người nào biết và tham gia. Quá trình điều tra, Đỗ Thị Thúy N và gia đình đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền chiếm đoạt của Công ty K.

Đối với bà Lê Thị Xuân T1, nhân viên Công ty T, khai: Các lần thanh toán tiền cho Công ty K thông qua Đỗ Thị Thúy N, bà Lê Thị Xuân T1 thường đến trước trụ sở Công ty K, địa chỉ: Cao ốc Đ, đường L, phường M, quận D, Thành phố H để giao tiền mặt cho Đỗ Thị Thúy N và rời đi ngay do không thể dừng ô tô trước trụ sở Công ty lâu được; thời gian mỗi lần giao nhận tiền khoảng 3 phút. Vì cả 02 bên đã làm việc với nhau từ năm 2014 đến hiện tại nên bà Lê Thị Xuân T1 tin tưởng, không yêu cầu

Đỗ Thị Thúy N phải ký nhận chứng từ khi giao nhận tiền. Ngày 17/3/2020, Đỗ Thị Thúy N điện thoại yêu cầu bà Lê Thị Xuân T1 gửi email với nội dung Công ty T xin chậm thanh toán tiền cước phí vận chuyển cho Công ty K. Đến cuối tháng 3/2020, Công ty T và bà Lê Thị Xuân T1 biết việc Đỗ Thị Thúy N chiếm đoạt số tiền trên, nên Công ty yêu cầu bà Lê Thị Xuân T1 liên hệ Đỗ Thị Thúy N để ký xác nhận trên các chứng từ giao nhận tiền (10 tờ Payment Voucher) nhằm xác nhận Công ty T đã thanh toán số tiền 663.560.949 đồng cho Công ty K.

Căn cứ kết luận giám định số 2247/KLGD-TT ngày 18/11/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đối với chữ ký, chữ viết của Đỗ Thị Thúy N trên 10 chứng từ thanh toán, kết luận: chữ ký, chữ viết họ tên “Đỗ Thị Thúy N” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết thực tế của Đỗ Thị Thúy N do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản Cáo trạng số 587/CT-VKS-P3 ngày 08/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đỗ Thị Thúy N về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố theo Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Thúy N từ 07 năm tù đến 08 năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Thị Thúy N trình bày: Luật sư không đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố đối với bị cáo Đỗ Thị Thúy N, bị cáo không phạm tội “Tham ô tài sản” quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, các cơ quan tiến hành tố tụng có một số thiếu sót, vi phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can và Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê chuẩn đề điều tra, truy tố bị cáo Đỗ Thị Thúy N về tội “Tham ô tài sản” nhưng cả bị cáo và Luật sư không nhận được bất kỳ thông tin nào liên quan đến việc thay đổi tội danh này; Biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2023 không có sự tham gia của Luật sư, biên bản này có trước Quyết định phê chuẩn Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can của Viện kiểm sát và sau đó không có bất kỳ bản cung nào khác; Cơ quan điều tra chưa xác minh, thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ về sổ sách kế toán thể hiện các khoản thu chi của Công ty K có liên quan đến Công ty T. Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đang bị nhầm lẫn đối với số tiền 663.560.949 đồng mà bị cáo Đỗ Thị Thúy N chiếm giữ vì đây không phải là tiền cước vận chuyển lẻ hàng tháng, nếu có phát sinh thì bên phải trả là Công ty K chứ không phải Công ty T; số tiền này là do Công ty T tự nguyện trích lại cho Công ty K, không có trong sổ sách và không được nhập vào quỹ của công ty, không được hạch toán theo nguyên tắc tài chính kế toán nên không phải là tài sản của Công ty K. Theo hợp đồng vận chuyển thì chỉ Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tiền cước vận chuyển cho Công ty T, ngược lại Công ty T không có nghĩa vụ thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty K. Hợp đồng lao động không có bất kỳ nội dung nào liên đến phân công nhiệm vụ

cho bị cáo Đỗ Thị Thúy N được thu tiền của Công ty T và được quản lý số tiền đó; trong quá trình làm việc Công ty K cũng không có bất kỳ văn bản nào chỉ đạo, phân công bị cáo Đỗ Thị Thúy N làm công việc này. Hành vi cầm tiền của bị cáo Đỗ Thị Thúy N không xâm phạm đến quyền sở hữu hay quyền định đoạt của Công ty K. Do đó, Viện đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Thị Thúy N không phạm tội “Tham ô tài sản” như Cáo trạng đã truy tố, trong trường hợp bị cáo có phạm một tội khác thì Luật sư đồng ý với các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đề nghị, ngoài ra bị cáo còn được bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt và bị cáo là con thương binh nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Bị cáo đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không trình bày bào chữa bổ sung và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Các đương sự không có ý kiến tham gia tranh luận.

Kiểm sát viên đối đáp: Quyết định thay đổi Quyết định khởi tố bị can, Kết luận điều tra và Cáo trạng sau khi thay đổi tội danh đối với bị cáo từ tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” sang tội “Tham ô tài sản” đều được tổng đạt cho bị cáo đúng quy định và được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Đối với bản cung ngày 17/10/2023, Cơ quan điều tra hỏi cung trước khi phê chuẩn thì vẫn đúng quy định. Theo quy định tại khoản 2 Điều 352 Bộ luật Hình sự và được hướng dẫn tại Nghị quyết 03/2020/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của bị cáo Đỗ Thị Thúy N là nhận tiền từ Công ty T và chiếm đoạt đã cấu thành tội “Tham ô tài sản” nên Viện kiểm sát truy tố bị cáo Đỗ Thị Thúy N theo điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật. Đối với ý kiến về việc xem xét tình tiết giảm nhẹ bị cáo có cha là thương binh thì đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo.

Luật sư và Kiểm sát viên bảo lưu ý kiến đã trình bày trước phiên tòa, không tranh luận bổ sung.

Lời nói sau cùng: Bị cáo đã ăn năn, hối cải về hành vi của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, trong phần bào chữa, các luật sư cho rằng cơ quan điều tra đã vi phạm tố tụng khi ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can nhưng không thực hiện giao cho Luật sư và bị can. Tuy nhiên, căn cứ vào biên bản giao nhận các quyết định tố tụng đã thể hiện bị can ký nhận. Đồng thời, các luật sư còn cho rằng tại biên bản hỏi cung bị can đã thực hiện trước khi cơ quan tố tụng ra quyết định thay đổi là vi phạm tố tụng. Về nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy có việc vi phạm như các Luật sư nêu nhưng vi phạm này không thuộc trường hợp vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và cũng không làm thay đổi nội dung vụ án, cần rút kinh nghiệm. Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của Luật sư bào chữa, tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

Do đó, về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thành phố

Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Đối với nội dung các luật sư bào chữa đều cho rằng bị cáo Đỗ Thị Thúy N bị khởi tố, truy tố về tội “Tham ô tài sản” là làm oan cho bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo, bị hại, hợp đồng lao động giữa bị cáo và bị hại đã chứng minh rõ về việc bị cáo được giao nhiệm vụ nhận tiền từ Công ty T mà bị cáo được phụ trách về giao lại cho kế toán Công ty K nhưng bị cáo không thực hiện đúng quy định, đã chiếm đoạt số tiền để chi tiêu vào mục đích cá nhân. Đồng thời, căn cứ Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP của Tòa án nhân dân tối cao ngày 30/12/2020 thì hành vi của bị cáo Đỗ Thị Thúy N đã phạm vào tội tham ô tài sản như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội không oan sai.

[3] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Đỗ Thị Thúy N tại phiên tòa cũng như các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Đỗ Thị Thúy N được giao việc đại diện Công ty K để đối chiếu và nhận tiền thanh toán công nợ từ Công ty T. Theo quy định, sau khi nhận tiền, Đỗ Thị Thúy N phải nộp lại cho kế toán Công ty K. Lợi dụng nhiệm vụ được giao, từ tháng 7/2019 đến tháng 3/2020, Đỗ Thị Thúy N đã nhiều lần nhận tiền thanh toán và tiền tạm ứng từ Công ty T, nhưng không nộp lại cho Công ty K, chiếm đoạt với tổng số tiền là 663.560.949 đồng.

Bị cáo là người có quyền hạn được giao, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao đã chiếm đoạt tài sản mà bị cáo có trách nhiệm quản lý, nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản”. Do đó, Đỗ Thị Thúy N phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tham ô tài sản” đối với số tiền chiếm đoạt là 663.560.949 đồng; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp “Phạm tội 02 lần trở lên”, nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ khai báo rõ ràng, thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho Công ty K, được phía Công ty K xác nhận đã nhận đủ và không yêu cầu bị cáo bồi thường khoản tiền nào khác; tại phiên tòa, bị hại xin giảm hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có cha ruột là thương binh và được tặng thưởng nhiều huân, huy chương kháng chiến hạng nhất, hạng nhì; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi con nhỏ và bị cáo đang điều trị bệnh trầm cảm nên áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xét xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo Đỗ Thị Thúy N.

Những phân tích nêu trên là quan điểm của Hội đồng xét xử đối với các ý kiến tranh luận, đối đáp của các Luật sư, bị cáo và Kiểm sát viên về vụ án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, không yêu cầu tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Thúy N**: 07 (bảy) năm tù về tội “Tham ô tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 16/8/2022.

Bị cáo **Đỗ Thị Thúy N** phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại và đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Phòng PV03 - Công an TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Đương sự; (3)
- Trại giam; (1)
- Cục THA Dân sự TP.HCM; (1)
- THA Hình sự; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp TP.HCM; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (25) (9)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Minh Châu